

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8- 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thuận

Ông Đinh Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị S; sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn TC, xã T2, huyện TT, tỉnh T. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trương Công M; sinh năm: 1975 (1977)

Địa chỉ: Thôn TC, xã T2, huyện TT, tỉnh T. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Công M chung sống như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 1994. Đến ngày 08/5/2004, vợ chồng đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Chị và anh M đã sống ly

thân được 02 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Minh P, sinh ngày 13/3/1995; Trương Minh Thảo, sinh ngày 15/11/1998 và Trương Minh T, sinh ngày 06/02/2008. Hiện cháu P và cháu Thảo đã thành niên, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 24 tháng 5 năm 2021, anh Trương Công M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị S chung sống như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi từ năm 1994. Đến ngày 08/5/2004, hai bên đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hòa thuận bình thường. Tuy trong cuộc sống đôi lúc có va chạm nhưng đây là những mâu thuẫn nhỏ mà vợ chồng nhà nào cũng gặp phải, chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Nay chị S làm đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Mặt khác, anh, chị đã nhiều tuổi, con cái đã lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị S, mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Minh P, sinh ngày 13/3/1995; Trương Minh Thảo, sinh ngày 15/11/1998 và Trương Minh T, sinh ngày 06/02/2008. Hiện cháu P và cháu Thảo đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T, nếu chị S nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Trương Thị S được ly hôn anh Trương Công M. Về con chung: Giao cháu Trương Minh T, sinh ngày 06/02/2008 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh

chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh M không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh M theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh M đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị S và anh M.

[5]. Về việc sai lệch năm sinh của anh M. Trong Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu anh M sinh năm 1975 còn trong giấy Chứng nhận kết hôn anh M sinh năm 1977. Có sự sai lệch trên là do sai sót trong quá trình đăng ký kết hôn, việc này đã được UBND xã T2 xác nhận.

[6]. Về hôn nhân: Chị và anh Trương Công M chung sống như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 1994. Đến ngày 08/5/2004, vợ chồng đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị S và anh M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được 15 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 02 năm, không ai quan tâm tới ai. Việc này đã được UBND xã T2 xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa p. Nay chị S nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M, trong khi anh M không có mặt để tham gia hòa giải. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh M đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị S được ly hôn anh M.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Minh P, sinh ngày 13/3/1995; Trương Minh Thảo, sinh ngày 15/11/1998 và Trương Minh T, sinh ngày 06/02/2008. Hiện cháu P và cháu Thảo đã thành niên, chị S và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với mẹ. Mặt khác, bản thân cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[8]. Về tài sản: Chị S, anh M không yêu cầu nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị S và anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị S được ly hôn anh Trương Công M.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Minh T, sinh ngày 06/02/2008 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh M có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chưa thành niên. Anh M, chị S có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con khi có điều kiện và chứng cứ hợp pháp.

3. Về án phí: Chị Trương Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT theo biên lai số AA/2018/0003118 ngày 20/5/2021, chị S đã nộp đủ tiền án phí. Anh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị S và anh M. Chị S và anh M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Các đương sự;
- UBND xã T2;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đặng Văn Thuận

Đinh Văn Tân

Lê Văn Quân

